

TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày 23/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: 2// Bùi Nguyên Hải.

Các Hội thẩm quân nhân: 1// Đoàn Văn Duẩn; 4/ Lê Minh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: 2/ Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 71: 2// Cao Phi Cương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án, Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 27/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 11/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Minh C; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 20/8/1988 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 8; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Bùi Thị H; bị cáo có vợ là Võ Thị V và có 01 con sinh năm 2017; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 14/4/2021, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xử phạt Trần Minh C 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích; nhân thân: Bị Tòa án quân sự khu vực Quân khu G xử phạt 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 15/2023/HS-ST ngày 28/9/2023; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 12/12/2022, Tạm giam từ ngày 21/12/2022 đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn C1; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 09/4/1992 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 4; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Dũ Thị Kim C2; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 28/9/2015, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2015/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích; Ngày 11/11/2019, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 163/2019/HS-ST của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích; nhân thân: có

02 tiền án; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 12/12/2022, Tạm giam từ ngày 21/12/2022 đến nay, có mặt.

3. Võ Văn Đ1; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 02 năm 1990 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ2 và bà Bùi Thị B; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 16/4/2013 tại Bản án số 32/2013/HS-ST của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 12 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án quân sự khu vực Quân khu G xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 15/2023/HS-ST ngày 28/9/2023; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 12/12/2022, Tạm giam từ ngày 21/12/2022 đến nay, có mặt.

4. Nguyễn Ngọc H1; tên gọi khác: S, Q; sinh ngày 04 tháng 5 năm 1979 tại Thái Nguyên; nơi cư trú: Khu phố T, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Hà Thị Thúy V1 (đã chết); có vợ là Lê Thị Thúy C3; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án quân sự khu vực Quân khu G xử phạt 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 15/2023/HS-ST ngày 28/9/2023; Ngày 02/01/2002 bị TAND thành phố Thái Nguyên xét xử và tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, năm 1999, 2001 bị Công an thành phố T xử phạt VPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chiếm giữ trái phép tài sản, trộm cắp tài sản; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 12/12/2022, Tạm giam từ ngày 21/12/2022 đến nay, có mặt.

5. Nguyễn Văn P; tên gọi khác: Không; sinh ngày 29 tháng 9 năm 1987 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Kiều S1 và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 12/12/2022, Tạm giam từ ngày 21/12/2022 đến nay, có mặt.

6. Nguyễn Tuấn K; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994 tại Cần Thơ; nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tuấn M và bà Trần Thu H2; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 30/8/2019, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HS-ST của Tòa án nhân dân Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích; nhân thân: có 01 tiền án; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 12/12/2022, Tạm giam từ ngày 21/12/2022 đến nay, có mặt.

7. Trương Thị L1; tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1993; tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; trình độ học vấn: Lớp 8; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương D và bà Nguyễn Thị L2; bị cáo có chồng là Lê Đức L3 và có 02 con (con lớn nhất 8 tuổi, nhỏ nhất 3 tuổi), bị cáo đang mang thai 06 tháng; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án quân sự khu vực Quân khu G xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 15/2023/HS-ST ngày 28/9/2023. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị L1:* ông Ngô Đình H3, Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Ngô Đình H3, Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Tổng công ty cổ phần C5; địa chỉ: Số A G, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật là ông Phạm Đình T2, Tổng giám đốc ủy quyền cho ông Lê Minh H4 tham gia tố tụng và giải quyết vụ án theo giấy ủy quyền số 4648/GUQ-VCC ngày 09/11/2022; vắng mặt.

2. Trung tâm M3; địa chỉ: M T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Xuân D1, Giám đốc ủy quyền cho ông Trần Hồng P1 đại diện cơ quan làm việc với Tòa án, cơ quan thi hành án, công an theo giấy ủy quyền số 12518/UQ-TT.MLMN-TCHC ngày 18/11/2022; vắng mặt.

3. Trung tâm Đ3; địa chỉ: A X, phường T, thành phố V. Đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn H5, Giám đốc ủy quyền cho ông Nguyễn Đình H6 đại diện cơ quan làm việc theo giấy ủy quyền số 04/GUQ-VNPT BRVT/ĐHTT ngày 24/10/2022; có mặt từ lúc 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, vắng mặt từ lúc 13 giờ 30 đến khi tuyên án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Huỳnh Thị Kiều S1, sinh năm 1984; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

2. Phạm Thị H7, sinh năm 1975; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến ngày 12/12/2022, Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K cùng các đối tượng khác (chưa rõ nhân thân lai lịch) đã thực hiện 19 vụ trộm cắp tài sản là bình ắc quy của các trạm viễn thông VIETTEL, MOBIFONE, V4 trên địa bàn thị xã P và huyện C, trong đó có 05 vụ trộm thực hiện tại các trạm viễn thông Viettel của Tổng công ty cổ phần C5, sau đó bán cho Trương Thị L1 cụ thể như sau:

* Vụ thứ 01: Khoảng rạng sáng một ngày trong đầu tháng 10/2022, sau khi nhận xong, C, cùng Đ1, H1 rủ nhau đi trộm bình ắc quy tại các trạm viễn thông. C điều khiển xe máy hiệu Honda Vision màu đỏ đen (không nhớ rõ biển số xe) chở Đ1, H1 tự điều khiển xe máy màu đỏ mang BKS: 53V4-1266 của mình cùng nhau đi đến khu công nghiệp nằm ở thị xã P. Phát hiện trạm phát viễn thông MOBIFONE mã VUTTB4 đặt tại KCN B1 T, thị xã P không có người trông coi nên cả nhóm đã phá khóa vào lấy trộm 03 bình Ac quy hiệu Lithium 48V – 100Ah trị giá 59.705.553 đồng (năm mươi chín triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn, năm trăm năm mươi ba đồng). Sau đó cả ba mang 03 bình ắc quy vừa trộm được đến tiệm thu mua phế liệu của Trương Thị L1 tại khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh BR-VT bán được 1.700.000 đồng, C chia cho Đ1, H1 mỗi người 500.000 đồng, còn C được 700.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

* Vụ thứ 02: Sau vụ thứ 01 khoảng vài ngày, C cùng “Cu em” (không rõ lai lịch) điều khiển xe máy đi quanh khu vực phường M, thị xã P để trộm cắp tài sản. Khi đến trạm phát sóng viễn thông M4 mã VUTT89 ở khu phố M, phường M, C và Cu em bẻ khóa đột nhập vào trong lấy trộm 08 Ac quy hiệu Vision 12V – 150Ah trị giá 40.585.200 đồng (bốn mươi triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, hai trăm đồng). Sau đó, C với Cu E mang bình ắc quy đến tiệm thu mua phế liệu của L1 bán được 6.000.000 đồng, chia đều mỗi người 3.000.000 đồng và tiêu xài hết.

* Vụ thứ 03: Khoảng hơn 10 giờ 00 ngày 22/10/2022, C, C1, H1 bẻ khóa cửa đột nhập vào nhà trạm phát sóng viễn thông VNPT mã TTH087M, đặt tại khu phố P, phường M lấy trộm 04 bình ắc quy hiệu Posmax 12V – 150Ah trị giá 20.712.379 đồng (Hai mươi triệu, bảy trăm mười hai ngàn, ba trăm bảy mươi chín đồng). Sau đó, cả nhóm mang 04 bình ắc quy vừa trộm được đến bán cho L1 được 3.000.000 đồng, mỗi người được chia 1.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

* Vụ thứ 04: Khoảng hơn 00 giờ 00 ngày 03/11/2022, C, Đ1, C1, C4 em rủ nhau đi trộm cắp các bình ắc quy để bán lấy tiền tiêu xài. Cả nhóm điều khiển xe mô tô đi đến trạm phát sóng VIETTEL mã VTU0725 tại khu phố P, phường M rồi bẻ khóa đột nhập vào bên trong lấy trộm 08 bình Ac quy hiệu Narada AG 12V – 155Ah trị giá 12.516.840 đồng (Mười hai triệu, năm trăm mười sáu ngàn, tám trăm bốn mươi đồng). Sau đó, cả nhóm mang số bình ắc quy vừa trộm được đến bán cho L1 được 6.000.000 đồng, C, C1 được chia mỗi người 1.600.000 đồng, Đ1 và Cu em mỗi người được 1.400.000 đồng rồi tiêu xài hết.

* Vụ thứ 05: Khoảng 01 giờ 00 một ngày đầu tháng 11/2022, C điều khiển xe máy chở Đ1, H1 chạy xe máy có gắn rơ - móc ở sau (thường gọi là xe lôi) đi đến khu vực phường H để trộm cắp tài sản. Khi đi đến trạm phát sóng viễn thông M4 mã VUTT11 đặt tại khu phố T, phường H, cả nhóm bẻ khóa đột nhập vào bên trong lấy trộm 02 bình Ac quy hiệu Lithium 48V – 100Ah màu đen trị giá 40.659.69 đồng (Bốn mươi triệu, sáu trăm năm mươi chín ngàn, sáu trăm chín mươi sáu đồng). Sau đó, cả ba mang 02 bình Ac quy đến bán cho L1 được 1.000.000 đồng, C chia cho Đ1, H1 mỗi người 300.000 đồng, còn C 400.000 đồng.

* Vụ thứ 06: Khoảng hơn 00 giờ 00 ngày 07/11/2022, C cùng C1, Cu em và bạn Cu em (không rõ lai lịch) rủ nhau đi trộm các bình ắc quy để bán lấy tiền tiêu xài. Cả nhóm điều khiển xe mô tô đi đến trạm viễn thông C5 mã VTU0411 đặt tại khu phố P, phường M, bẻ khóa cửa vào trong lấy trộm 08 bình Acquy hiệu Narada AG 12V – 155Ah và 01 bình Acquy hiệu Delkor 12V – 45Ah tổng trị giá 12.230.440 đồng (Mười hai triệu, hai trăm ba mươi ngàn, bốn trăm bốn mươi đồng). Sau đó, cả nhóm mang 09 bình Acquy vừa trộm được đến bán cho L1 được 6.000.000 đồng, chia đều mỗi người 1.500.000 đồng.

* Vụ thứ 07: Khoảng hơn 22 giờ 00 ngày 15/11/2022, C, C1, H1, Đ1 điều khiển xe mô tô đi đến trạm phát sóng VNPT mã TTH114M đặt tại khu phố P, phường M, bẻ khóa vào trong lấy trộm 04 bình accu hiệu Gel Vision 12V – 150Ah trị giá 12.688.316 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, ba trăm mười sáu đồng). Sau đó, cả nhóm mang bình ắc quy trộm được đến bán cho người tên L4 được 3.000.000, chia đều mỗi người 700.000 đồng, số tiền 200.000 đồng còn lại dùng để đổ xăng và mua đồ ăn.

* Vụ thứ 08: Khoảng hơn 15 giờ 00 ngày 18/11/2022, C cùng C1 điều khiển xe mô tô đi đến trạm phát sóng VNPT mã TTH100M đặt tại tổ F, ấp C, xã S, rồi bẻ khóa đột nhập vào trong lấy trộm được 04 bình accu hiệu Gel Vision 12V – 150Ah trị giá 14.076.100 đồng (Mười bốn triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm đồng). Sau đó, C và C1 mang 04 bình ắc quy trên đến bán cho người tên L4 được 3.000.000 đồng, chia đều mỗi người 1.500.000 đồng.

* Vụ thứ 09: Khoảng hơn 12 giờ 00 một ngày trong tháng 11/2022, C cùng C1 điều khiển xe mô tô đi đến trạm phát sóng viễn thông MOBIFONE mã VUTT21 đặt tại ấp S, xã S, rồi bẻ khóa đột nhập vào bên trong lấy trộm 04 bình Acquy hiệu Posmax 12V – 200Ah và 04 bình Acquy hiệu Vision 12V – 150Ah trị giá 48.727.800 đồng (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn, tám trăm đồng). Sau đó, cả hai mang bình ắc quy đến bán cho L1 được 6.000.000 đồng, mỗi người được chia 3.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân.

* Vụ thứ 10: Khoảng hơn 14 giờ 00 một ngày trong tháng 11/2022, C và C1 điều khiển xe mô tô đi đến trạm phát sóng viễn thông MOBIFONE mã VUTT80 ở ấp S, xã S, rồi bẻ khóa cửa đi vào bên trong lấy trộm 04 bình Acquy hiệu Vision 12V – 150Ah trị giá 13.746.600 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng). Sau đó, C cùng C1 chở 04 bình ắc quy đến bán cho L1 được 3.000.000 đồng, mỗi người được 1.500.000 đồng rồi tiêu xài.

* Vụ thứ 11: Khoảng hơn 11 giờ 00 một ngày trong tháng 11/2022, C và C1 điều khiển xe mô tô đi đến trạm phát sóng viễn thông MOBIFONE mã VUTT99 đặt tại KCN P, thị xã P, rồi bẻ khóa cửa vào trong lấy trộm 04 bình accu hiệu Vision 12V – 150Ah trị giá 8.073.400 đồng (Tám triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm đồng). Sau đó, cả hai mang 04 bình ắc quy trên đến bán cho L1 được 3.000.000 đồng, mỗi người được 1.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân.

* Vụ thứ 12: Khoảng hơn 20 giờ 00 ngày 21/11/2022, C cùng C1 tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến trạm phát sóng viễn thông VNPT mã TTH101M đặt tại ấp S, xã S, rồi bẻ khóa đột nhập vào bên trong lấy trộm 04 bình accu hiệu Gel Vision

12V – 150Ah trị giá 11.102.276 đồng (Mười một triệu, một trăm lẻ hai ngàn, hai trăm bảy mươi sáu đồng). Sau đó cả hai chở 04 bình ắc quy vừa trộm được mang đến bán cho L1 được 3.000.000 đồng, mỗi người được 1.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân.

* Vụ thứ 13: Khoảng 14 giờ 00 ngày 29/11/2022, C, C1, Đ1, K rủ nhau đi trộm cắp tài sản tại các trạm viễn thông để bán lấy tiền tiêu xài. C mang theo xà beng, kéo, kìm và khóa mở ốc vít (loại khóa 13) bỏ trong túi vải màu đen rồi điều khiển xe máy Yamaha Taurus của C chở C1 còn K điều khiển xe máy Honda Vario chở Đ1 đi đến trạm viễn thông V5 thuộc thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh BR-VT. Đ1 và K đứng bên ngoài canh giới, C1 và C mang theo dụng cụ đã chuẩn bị sẵn đi vào trạm, C1 phá cửa trạm rồi cùng C vào bên trong phòng mở khóa 08 bình ắc quy hiệu Accu Gel 12 V/150Ah trị giá 35.435.180 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi đồng) trên kệ lồi xuống kéo ra cửa phòng máy. Sau đó, vì 08 bình ắc quy quá nặng nên cả nhóm vào bên trong lấy ra trước 04 bình ắc quy mang đến tiệm thu mua phế liệu của L1 bán được 3.000.000 đồng. C chia cho C1 700.000 đồng, K 700.000 đồng, Đ1 700.000 đồng còn C lấy 900.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, C, K tiếp tục quay lại lấy 04 bình ắc quy còn lại tại nhà trạm viễn thông V5 VUCD 13 rồi mang bán cho L1 được 3.000.000 đồng, C chia cho K 1.000.000 đồng, còn 2.000.000đ C tiêu xài cá nhân.

* Vụ thứ 14: Khoảng 18 giờ 00 ngày 30/11/2022, C, C1, Đ1, K đã rủ nhau đi trộm các bình ắc quy tại các trạm viễn thông để bán lấy tiền tiêu xài. C mang theo xà beng, kéo, kìm và khóa mở ốc vít (loại khóa 13) bỏ trong túi vải màu đen điều khiển xe máy Honda Vision màu đen của C chở Đ1, còn K điều khiển xe máy SYM Atila màu trắng của K chở C1 đi đến trạm viễn thông M5 thuộc thôn S, xã L, huyện C, tỉnh BR-VT để lấy trộm tài sản. Đ1 và K đứng bên ngoài canh giới còn C1 và C đi vào bên trong trạm phá cửa trạm vào bên trong phòng máy mở khóa 02 bình ắc quy chì Gel 12 V/200Ah và 04 bình Accu Gel V 12 V/150Ah mang ra ngoài, trị giá 06 bình là 32.269.044 đồng (Ba mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng). Tuy nhiên, do 02 bình ắc quy chì Gel 12 V/200Ah có kích thước lớn, nặng nên các đối tượng chỉ mang được 04 bình Accu Gel Vision 12 V/150Ah về bán cho L1 với giá 3.000.000 đồng. C chia cho C1 700.000 đồng, K 500.000 đồng, Đ1 500.000 đồng, còn C lấy 1.300.000 đồng và tiêu xài cá nhân.

* Vụ thứ 15: Khoảng hơn 12 giờ 00 ngày 04/12/2022, C cùng Đ1, C1, K điều khiển xe mô tô đi đến nhà trạm phát sóng viễn thông VIETTEL mã VTU0737 đặt tại khu phố P, phường M, rồi bẻ khóa đột nhập vào bên trong lấy trộm 08 bình Ac quy hiệu Narada AG 12V – 155Ah trị giá 12.605.248 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn, hai trăm bốn mươi tám đồng). Sau đó, cả nhóm chở các bình ắc quy vừa trộm được đến bán cho L1 được 6.000.000 đồng, mỗi người được chia 1.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân.

* Vụ thứ 16: Khoảng hơn 12 giờ 00 ngày 05/12/2022, C cùng C1, K điều khiển xe mô tô đi đến trạm VIETTEL mã VTU0721 đặt tại khu phố Ô, phường T, rồi bẻ khóa đột nhập vào bên trong lấy trộm 04 bình Ac quy hiệu Coslight 48V –

50Ah trị giá 32.403.812 đồng (Ba mươi hai triệu, bốn trăm lẻ ba ngàn, tám trăm mười hai đồng). Sau đó, cả ba chở 04 bình ắc quy trên đến bán cho L1 được 2.300.000 đồng, C chia mỗi người 700.000 đồng, số tiền 200.000 đồng còn lại thì dùng để đổ xăng và mua đồ ăn.

* Vụ thứ 17: Khoảng hơn 13 giờ 00 phút ngày 07/12/2022, C cùng P điều khiển xe mô tô đi đến trạm phát sóng viễn thông VIETTEL mã VTU0725 đặt tại khu phố P, phường M, rồi bẻ khóa cửa đi vào trong lấy trộm được 08 bình Acquy hiệu Narada AG 12V – 155Ah trị giá 10.686.320 đồng (Mười triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm hai mươi đồng). Sau đó, C cùng P chở 08 bình ắc quy trên đến bán cho L1 được 6.000.000 đồng, C chia cho P 2.500.000 đồng còn C được 3.500.000 đồng rồi tiêu xài hết.

* Vụ thứ 18: Khoảng 16 giờ 00 chiều ngày 11/12/2022, C cùng C1 điều khiển xe mô tô đi đến trạm phát sóng viễn thông VNPT mã TTH042M đặt tại đường số C, khu phố T, phường P, rồi bẻ khóa đột nhập vào bên trong lấy trộm 12 bình accu hiệu Posmax 2V – 300Ah trị giá 8.471.892 đồng (Tám triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn, tám trăm chín mươi hai đồng). Sau đó, C và C1 chở số bình ắc quy trên đến bán cho L1 được 4.000.000 đồng, chia đều mỗi người 2.000.000 đồng rồi tiêu xài hết.

* Vụ thứ 19: Khoảng hơn 10 giờ 00 ngày 12/12/2022, Trần Minh C, đến phòng trọ của Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn P ở ấp D, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai để rủ C1, P đi trộm cắp bình ắc quy của các trạm phát sóng viễn thông bán lấy tiền tiêu xài thì cả hai đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe mô tô hiệu Taurus màu đen, BKS: 61R1-6228 chở C1, P điều khiển xe máy màu đỏ mang BKS: 71K7-4102 đi xuống thị xã P, tỉnh BR-VT. Cả ba điều khiển xe máy đến trạm phát sóng viễn thông Mobifone đặt tại khu phố V, phường P thì dừng lại. C, C1 sử dụng kèm bấm chết bẻ khoen khóa cửa của trạm rồi đi vào trong cùng P lấy trộm 04 bình ắc quy hiệu Gel Battery Valve Regulated CGT12 – 150 PEXV (12V- 150Ah) trị giá 13.866.600 đồng (mười ba triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng) mang ra xe; Trong lúc khiêng các bình ắc quy ra ngoài thì C1 nhìn thấy có Camera hiệu EZVIZ, model C6-N trị giá 494.454đ (bốn trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm năm mươi bốn đồng) bên trong trạm nên đã lấy trộm mang ra ngoài; Tổng giá trị 04 bình ắc quy và 01 Camera là 14.361.054đ (Mười bốn triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng). Khi C, C1, P vừa mang 04 bình ắc quy đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an phát hiện, đuổi theo bắt quả tang cùng tang vật gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Taurus, BKS: 61R1-6228, số khung RLCS16S209Y - 111677, số máy 16S2 -111685; 01 xe mô tô màu đỏ, BKS: 71K7 – 4102, số khung VTMWCH034CK014314; 04 bình ắc quy hiệu Gel Battery Valve Regulated CGT12 – 150 PEXV (12V- 150Ah); 01 mắt camera hiệu EZVIZ; 01 dây buộc hàng màu xanh dài 2,2 mét có móc kim loại ở hai đầu; 01 túi chéo màu đen; 01 sợi dây điện màu đen hai đầu có khớp nối màu xanh, đỏ loại nối bình ắc quy; 02 tua vít; 02 kiểm bấm; 01 kiểm nhỏ định tay cầm màu đỏ đen; 02 kéo cắt; 01 khóa chữ T loại 13mm; 01 mỏ lết; 01 cò lê hai đầu khóa 10, 12; 01 đèn pin màu đen; 04 cái ống tuýp khóa; 01 bộ đoạn bẻ khóa.

Trương Thị L1 làm nghề thu mua phế liệu, tuy biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì lợi nhuận nên đã 16 lần mua các bình ắc quy mà các bị cáo C, Đ1, H1, C1, P, K, Cu E, bạn Cu E trộm cắp tại các trạm thu phát sóng của Tổng công ty cổ phần C5, Trung tâm M3, Trung tâm Đ3 từ tháng 10/2022 đến ngày 12/12/2022 với giá là 17.000 đồng/kg tính theo trọng lượng bình, sau đó bán lại cho người khác với giá là 18.000 đồng/kg.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K đều thừa nhận vì muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như cáo trạng mô tả, tài sản trộm cắp là các bình ắc quy tại các trạm thu phát sóng của Tổng công ty cổ phần C5, Trung tâm M3, Trung tâm Đ3. Trong đó, bị cáo Trần Minh C tham gia thực hiện 19 vụ với tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 441.057.150 đồng; bị cáo Nguyễn Văn C1 tham gia thực hiện 15 vụ với tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 289.420.381 đồng; bị cáo Võ Văn Đ1 tham gia thực hiện 07 vụ với tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 205.879.877 đồng; bị cáo Nguyễn Ngọc H1 tham gia thực hiện 04 vụ với tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 133.765.944 đồng; bị cáo Nguyễn Tuấn K tham gia thực hiện 04 vụ với tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 112.713.284 đồng; bị cáo Nguyễn Văn P tham gia thực hiện 02 vụ với tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 25.047.374 đồng. Các bị cáo đều khai nhận đã 16 lần bán các tài sản trộm cắp được cho Trương Thị L1 với giá là 17.000 đồng/kg còn 02 lần bán cho một người khác như cáo trạng mô tả với mục đích là để thăm dò xem nơi nào dễ bán hơn và giá cao hơn. Các bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của các bị hại theo Kết luận định giá tài sản, bị cáo H1 đã bồi thường được 03 triệu đồng, các bị cáo C, P mỗi bị cáo đã bồi thường được 01 triệu đồng.

Bị cáo Trương Thị L1 khai nhận đã mua các bình ắc quy với giá là 17.000 đồng/kg từ các bị cáo C, C1, Đ1, H1, P, K từ tháng 10/2022 đến ngày 12/12/2022, bị cáo biết rõ đây là tài sản do trộm cắp mà có. Bị cáo đã bán các bình ắc quy cho các đối tượng chạy xe tải đến tiệm của bị cáo thu mua đây là những người thu mua phế liệu ở TP . bị cáo không rõ lai lịch. Do rất nhiều đối tượng thu mua và thường xuyên thay đổi đối tượng nên bị cáo không xác định được là bị cáo đã bán cho ai và bán bao nhiêu bình ắc quy, bị cáo không có sổ sách ghi chép những lần mua bán. Bị cáo nhớ là đã mua 56 bình ắc quy.

Đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty cổ phần C5; ông Lê Minh H4 khai tại Cơ quan điều tra: Tôi đề nghị xử lý nghiêm các đối tượng đã lấy trộm số tài sản của Tổng công ty. Các tài sản không thu hồi được đề nghị bồi thường theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Đại diện theo ủy quyền của Trung tâm M3 ông Trần Hồng P1 khai tại Cơ quan điều tra: Tôi đề nghị xử lý nghiêm các đối tượng đã lấy trộm số tài sản của Tổng công ty. Các tài sản không thu hồi được đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật về các vấn đề dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của Trung tâm Đ3 ông Nguyễn Đình H6 khai tại tòa: Tôi đề nghị xử lý nghiêm các đối tượng đã lấy trộm số tài sản của Tổng công

ty. Các tài sản không thu hồi được đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật về các vấn đề dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Kiều S1 khai tại Cơ quan điều tra: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ là thuộc quyền sở hữu của tôi. Tôi cho P mượn xe để đi lại, tôi không biết việc P sử dụng xe trên để đi trộm cắp tài sản. Hiện tôi đã nhận lại xe và không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Thị H7 khai tại Cơ quan điều tra: Chiếc xe máy Honda Vario là của tôi mua và cho vợ chồng con gái tôi là Nguyễn Thị P2 và Nguyễn Tuấn K mượn sử dụng. Tôi không biết việc K sử dụng chiếc xe máy trên làm phương tiện trộm cắp tài sản. Hiện tôi đã nhận lại xe và không yêu cầu gì thêm.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản xác định hiện trường của 19 vụ trộm cắp tài sản; Bản ảnh hiện trường của 19 vụ trộm cắp tài sản; Biên bản khám xét... thể hiện từ tháng 10/2022 đến ngày 12/12/2022 các đối tượng Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K đã thực hiện 19 vụ trộm cắp tài sản tại các trạm thu phát sóng của C5, V4, MOBI.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Võ Văn Đ1, Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Ngọc H1, thu giữ 01 xe mô tô hiệu HONDA VARIO, BKS: 60G1 – 455.27; 01 xe mô tô mang BKS: 53V4-1266, số máy VTT08JL1P52FMH-036066, số khung LDXCHL02Y6004706 và dụng cụ lõi phía sau. Đồng thời, ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Thị L1 tại khu phố P, phường M, thu giữ được 20 bình ắc quy các loại, có kí hiệu của các nhà mạng V2, M1 và V3.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ trộm cắp tài sản ngày 30/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã thu giữ 02 bình ắc quy chì Gel 12 V/200Ah, 01 cây kéo bằng kim loại và 01 cây xà beng.

Biên bản chỉ dẫn hiện trường; Bản ảnh hiện trường xác định vị trí sơ đồ khu vực các vụ trộm cắp tài sản đã thể hiện từ tháng 10/2022 đến ngày 12/12/2022 các đối tượng Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K đã cùng với Trần Minh C thực hiện 19 vụ trộm cắp tài sản tại các trạm thu phát sóng của C5, M2, V4.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của Hội đồng định giá UBND thị xã P số 104/KL ngày 19/12/2023 kết luận:

- 03 bình Acquy hiệu Lithium 48V – 100Ah trong vụ trộm thứ 01 trị giá: 59.705.553 (Năm mươi chín triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn, năm trăm năm mươi ba) đồng;

- 08 bình Acquy hiệu Vision 12V – 150Ah trong vụ trộm thứ 02 trị giá: 40.585.200 (Bốn mươi triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, hai trăm) đồng;

- 02 bình Acquy hiệu Lithium 48V – 100Ah trong vụ trộm thứ 05 trị giá: 40.659.696 (Bốn mươi triệu, sáu trăm năm mươi chín ngàn, sáu trăm chín mươi sáu) đồng;

- 04 bình Acquy hiệu Posmax 12V – 200Ah và 04 bình Acquy hiệu Vision 12V – 150Ah trong vụ trộm thứ 09 trị giá: 48.727.800 (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi bảy ngàn, tám trăm) đồng;

- 04 bình Acquy hiệu Vision 12V – 150Ah trong vụ trộm thứ 10 trị giá 13.746.600đ (Mười ba triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng).

- 04 bình ắc quy hiệu Gel Battery Valve Regulated CGT12 – 150 PEXV (A- 150Ah) trong vụ trộm thứ 19 trị giá: 14.361.054 (Mười bốn triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, không trăm năm mươi bốn) đồng;

- 01 camera hiệu EZVIZ tại thời điểm định giá không thể xác định giá trị tài sản do không đủ thông tin để định giá.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá UBND thị xã P số 122/KL ngày 09/02/2023 kết luận:

- 01 camera hiệu EZVIZ, model C6-N trị giá 494.454 (bốn trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm năm mươi bốn) đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá UBND thị xã P số 132/KL ngày 07/3/2023 kết luận:

- 04 bình accu hiệu Posmax 12V – 150Ah trong vụ trộm thứ 03 trị giá 20.712.379 (Hai mươi triệu, bảy trăm mười hai ngàn, ba trăm bảy mươi chín) đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá UBND thị xã P số 103/KL ngày 19/12/2022 kết luận:

- 08 bình Acquy hiệu Narada AG 12V – 155Ah trong vụ trộm thứ 04 trị giá: 12.516.840 (Mười hai triệu, năm trăm mười sáu ngàn, tám trăm bốn mươi) đồng;

- 08 bình Acquy hiệu Narada AG 12V – 155Ah và 01 bình Acquy hiệu Delkor 12V – 45Ah trong vụ trộm thứ 06 trị giá: 12.230.440 (Mười hai triệu, hai trăm ba mươi ngàn, bốn trăm bốn mươi) đồng;

- 08 bình Acquy hiệu Narada AG 12V – 155Ah trong vụ trộm thứ 15 trị giá 12.605.248 (Mười hai triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn, hai trăm bốn mươi tám) đồng;

- 08 bình Acquy hiệu Narada AG 12V – 155Ah trong vụ trộm thứ 17 trị giá 10.686.320 (Mười triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm hai mươi) đồng;

- 04 bình Acquy hiệu Coslight 48V-50Ah trong vụ trộm thứ 16 trị giá 32.403.812 (Ba mươi hai triệu, bốn trăm lẻ ba ngàn, tám trăm mười hai) đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá UBND thị xã P số 99/KL ngày 16/12/2022 kết luận:

- 04 bình accu hiệu Gel Vision A – 150Ah trong vụ trộm thứ 7 trị giá: 12.688.316 (Mười hai triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn, ba trăm mười sáu) đồng;

- 04 bình accu hiệu Gel Vision 12V – 150Ah trong vụ trộm thứ 08 trị giá: 14.076.100 (Mười bốn triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm) đồng;

- 04 bình accu hiệu Gel Vision 12V – 150Ah trong vụ trộm thứ 12 trị giá: 11.102.276 (Mười một triệu, một trăm lẻ hai ngàn, hai trăm bảy mươi sáu) đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của Hội đồng định giá UBND thị xã P số 119/KL ngày 16/01/2023 kết luận:

- 04 bình accu hiệu Vision 12V – 150Ah trong vụ trộm thứ 11 trị giá 8.073.400 (tám triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm) đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của Hội đồng định giá UBND thị xã P số 102/KL ngày 19/12/2022 kết luận:

- 12 bình accu hiệu Posmax 2V – 300Ah trong vụ trộm thứ 18 trị giá: 8.471.892 (Tám triệu, bốn trăm bảy mươi một ngàn, tám trăm chín mươi hai) đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của Hội đồng định giá UBND huyện C số 10/BB-HĐĐGTS ngày 13/02/2023 kết luận:

- 08 bình ắc quy hiệu Accu Gel 12 V/150Ah trong vụ trộm thứ 13 trị giá 35.435.180 (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi) đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của Hội đồng định giá UBND huyện C số 12/BB-HĐĐGTS ngày 14/02/2023 kết luận:

- 02 bình ắc quy chì Gel 12 V/200Ah trong vụ trộm thứ 14 trị giá 14.551.454đ; 04 bình Accu Gel V V trong vụ trộm thứ 14 trị giá 17.717.590đ; Tổng trị giá 06 bình ắc quy trong vụ trộm thứ 14 là 32.269.044 (Ba mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi bốn) đồng.

Tại Cáo trạng số 08/CT – VKS71 ngày 26/6/2024, Viện kiểm sát quân sự khu vực 71 truy tố các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Tuấn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trương Thị L1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị rút truy tố của Cáo trạng đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1; đề nghị bổ sung vào truy tố của Cáo trạng là cho bị cáo Trương Thị L1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Về hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh C từ 11 năm tù đến 12 năm tù;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 từ 09 năm tù đến 10 năm tù;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn Đ1 từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H1 từ 05 năm tù đến 06 năm tù;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 20 tháng tù đến 24 tháng tù;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị L1 từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Ngọc H1, Võ Văn Đ1, Trương Thị L1.

Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 587, 589 BLDS buộc các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Tuấn K, Nguyễn Văn P phải liên đới bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Trần Minh C phải bồi thường cho các bị hại là: 177.158.358 đồng. Trong đó, bồi thường cho V2 là 19.853.902 đồng, M3 là 134.638.944 đồng, VNPT là 22.665.393 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 176.587.358 đồng.

- Nguyễn Văn C1 phải bồi thường cho các bị hại là: 72.954.417 đồng. Trong đó, bồi thường cho V2 là 13.620.215 đồng, M3 là 36.668.809 đồng, VNPT là 22.665.393 đồng.

- Võ Văn Đ1 phải bồi thường cho các bị hại là: 46.978.266 đồng. Trong đó, bồi thường cho V2 là 6.960.785 đồng, M3 là 36.485.402 đồng, VNPT là 3.172.079 đồng.

- Nguyễn Ngọc H1 phải bồi thường cho các bị hại là: 39.834.571 đồng. Trong đó, bồi thường cho M3 là 29.758.366 đồng, VNPT là 10.076.205 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 3.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 36.089.517 đồng.

- Nguyễn Văn P phải bồi thường cho bị hại C5 là: 4.452.633 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 3.452.633 đồng.

- Nguyễn Tuấn K phải bồi thường cho các bị hại là: 16.144.211 đồng. Trong đó, bồi thường cho V2 là 3.151.312 đồng, M3 là 12.992.899 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Chiếc xe máy hiệu Yamaha Taurus thu giữ của C1 thực tế mang BKS: 18U1 – 3872 là tài sản của anh Ninh Xuân P3, sinh năm 1991 bị mất trộm vào tháng 8/2022 tại khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh BR- VT. Vì vậy, Cơ quan CSĐT đã tách chiếc xe ra khỏi vụ án, chuyển vật chứng trên theo vụ “Trộm cắp tài sản” để tiếp tục xử lý theo quy định. Việc xử lý trên là có căn cứ, đề nghị HĐXX ghi nhận.

Chiếc xe mô tô màu đỏ, BKS: 71K7 – 4102 thu giữ của Phó là tài sản hợp pháp của chị Huỳnh Thị Kiều S1, sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Chiếc xe máy hiệu Honda Vario màu xám mang BKS: 60G1 – 455.27 thu giữ của K là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị H7, sinh năm 1975, nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Việc P, K mượn 02 chiếc xe ô tô trên rồi sử dụng để đi trộm cắp tài sản chị S1, chị H7 không biết nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại 02 chiếc xe mô tô trên cho chị S1, chị H7. Việc xử lý trên là có căn cứ, đề nghị HĐXX ghi nhận.

Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trao trả 02 bình ắc quy chì Gel 12 V/200Ah cho chủ sở hữu là ông Trần Hồng P1. Việc xử lý trên là có căn cứ, đề nghị HĐXX ghi nhận.

Đối với 04 (bốn) bình ắc quy hiệu Lithium Coslight 48V – 50Ah có logo VIETTEL màu đen là số bình ắc quy bị mất trộm tại nhà trạm VTU131, địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh BR-VT vào ngày 28/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã bàn giao Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh BR- VT để xử lý theo quy định của pháp luật. Việc xử lý trên là có căn cứ, đề nghị HĐXX ghi nhận.

Đối với 02 ắc quy hiệu Lithium 48V – 100Ah có logo VINA FONE, seri mã LD20210621000202094 và LD20210621000202598 hiện chưa xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu. Cơ quan CSĐT đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu, tách ra khỏi vụ án và tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định. Việc xử lý trên là có căn cứ, đề nghị HĐXX ghi nhận.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại 08 bình ắc quy, 01 mắt camera hiệu EZVIZ cho anh Trần Hồng P1, sinh năm 1987, nơi cư trú: Khu phố C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – Đại diện bị hại MOBIFONE; trả 09 bình ắc quy cho anh Lê Minh H4, sinh năm 1985, nơi cư trú: 1207 C/C 21 tầng D22, TT C, phường A, thành phố V, tỉnh BR-VT - Đại diện bị hại VIETTEL; Trả 13 bình ắc quy cho anh Nguyễn Đình H6, sinh năm 1985, nơi cư trú: 42 C, phường D, thành phố V, tỉnh BR-VT- Đại diện VNPT. Việc xử lý trên là có căn cứ, đề nghị HĐXX ghi nhận.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy: 01 cái dây buộc chở màu hàng màu xanh có móc bằng kim loại hai đầu dài 2m2; 01 cái túi chéo màu đen; 01 sợi dây điện màu đen hai đầu có khớp nối màu xanh, đồ loại nối bình ắc quy; 02 cái tua vít; 02 cái kìm bấm; 01 cái kìm nhỏ định tay cầm màu đỏ đen; 02 cái kéo cắt; 01

cái khóa chữ T loại 13 mm; 01 cái mỏ lết; 01 cái cờ lê hai đầu khóa 10, 12; 01 cái đèn pin màu đen; 04 cái ống tuýt khóa; 01 bộ đoạn bẻ khóa; 01 cái kéo bằng kim loại có vỏ tay cầm bọc nhựa màu đen, kích thước cây kéo là 0.1mx0.2m; 01 cái xà beng bằng kim loại có kích thước 0.45m x 0.09m.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe máy biển kiểm soát: 53V4-1266, lốc máy có chữ SOME và chữ KOREA, số máy: VTT08JL1P52FMH- 036066, số khung: LDXCHL02Y6004706 cùng bộ phận lõi phía sau.

Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K, Trương Thị L1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm:

- Trần Minh C là: 8.807.912 đồng.
- Nguyễn Văn C1 là: 3.647.721 đồng.
- Võ Văn Đ1 là: 2.348.913 đồng.
- Nguyễn Ngọc H1 là: 1.841.729 đồng.
- Nguyễn Tuấn K là: 807.211 đồng.
- Nguyễn Văn P là: 300.000 đồng.

Các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Tuấn K, Nguyễn Văn P nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên và không tranh luận gì thêm.

Bị cáo Trương Thị L1 yêu cầu người bào chữa tiến hành bào chữa.

Người bào chữa đưa ra lời bào chữa: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo L1, tuy nhiên không nhất trí với khung hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã truy tố vì: trong vụ án này không có nhân chứng, vật chứng chứng minh bị cáo L1 đã tiêu thụ tổng tài sản có giá trị theo quy định tại khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự; Tại Kết luận điều tra của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp Bộ Q1 đã khẳng định là chỉ xác định được bị cáo L1 đã tiêu thụ tài sản có giá trị khoảng 107 triệu đồng; Lời khai của 06 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa có sự thay đổi từ việc khai đã bán toàn bộ tài sản của 18 lần trộm cắp cho bị cáo L1 đổi thành chỉ bán cho bị cáo L1 16 lần còn 02 lần khác thì bán cho người khác. Xét thấy lời khai trên của các bị cáo là bất nhất nên đề nghị HĐXX xem xét không căn cứ vào lời khai của 06 bị cáo trên để buộc tội bị cáo L1 và đề nghị chấp nhận Kết luận của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp Bộ Q1 là hành vi của bị cáo L1 chỉ cấu thành tội phạm tại khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Nhất trí với Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cho bị cáo L1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, n khoản 1 Điều

51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo L1 được hưởng mức hình phạt dưới khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là dưới 02 năm tù.

Bị cáo L1 nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa.

Đối đáp với lời bào chữa của người bào chữa, Kiểm sát viên đưa ra quan điểm: Kết luận điều tra của Cơ quan Điều tra chỉ là một căn cứ để truy tố hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ này phải phù hợp với các sự thật khách quan được chứng minh qua quá trình phục dựng điều tra và đấu tranh với tội phạm. Bên cạnh đó, lời khai được sử dụng để làm chứng cứ chứng minh đều phải có cơ sở và phù hợp với các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố vụ án. Khi tiếp nhận vụ án này, Viện kiểm sát quân sự khu vực 71 đã xem xét đến tất cả các khía cạnh từ lời khai của các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, từ đó mà phát hiện có sự mâu thuẫn trong việc đã bán toàn bộ tài sản của 18 lần trộm cắp cho bị cáo L1 hay chỉ bán 16 lần cho bị cáo L1. Việc này đã được chứng minh trong quá trình điều tra bổ sung vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đều có lời khai độc lập với nhau và phù hợp với các chứng cứ khác và có lợi cho bị cáo L1 như việc các bị cáo khai chỉ bán 16 lần thay vì bán 18 lần số bình ắc quy đã trộm cắp được cho bị cáo L1. Do đó, có đủ cơ sở để xác định lời khai của các bị cáo là nguồn chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo L1, nên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo L1 về tội danh và khung hình phạt. Đề nghị HĐXX không chấp nhận đề nghị của người bào chữa là bị cáo chỉ phạm tội ở khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo L1 được hưởng mức hình phạt dưới khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là dưới 02 năm tù.

Các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Tuấn K, Nguyễn Văn P đều không nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa là lời khai của các bị cáo là bất nhất, không chính xác. Khẳng định lời khai của các bị cáo là khách quan, đúng sự thật.

Lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, hối hận về hành vi của mình, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2, Các tổ chức sự nghiệp Bộ Q1, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực 71, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của

cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đều thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo C, C1, Đ1, H1, P, K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, như: Việc các bị cáo C, C1, Đ1, H1, P, K đi trộm cắp tài sản tại các trạm thu phát sóng của Tổng công ty cổ phần C5, Trung tâm M3, Trung tâm Đ3; bị cáo C tham gia thực hiện 19 vụ trộm cắp; bị cáo C1 tham gia thực hiện 15 vụ trộm cắp; bị cáo Đ1 tham gia thực hiện 07 vụ trộm cắp; bị cáo H1 tham gia thực hiện 04 trộm cắp; bị cáo Nguyễn Tuấn K tham gia thực hiện 04 vụ trộm cắp; bị cáo P tham gia thực hiện 02 vụ trộm cắp; Bị cáo L1 mua các bình ắc quy của các bị cáo C, C1, Đ1, H1, P, K thời gian từ tháng 10/2022 đến ngày 12/12/2022 và đã bán cho những người khác mà bị cáo không rõ lai lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản chỉ dẫn hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Kết luận Định giá tài sản ...

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, HĐXX xét thấy: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến ngày 12/12/2022, Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K không có nghề nghiệp cùng nhiều đối tượng khác (chưa rõ nhân thân lai lịch) đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản là bình ắc quy của các trạm viễn thông của Tổng công ty cổ phần C5, Trung tâm M3, Trung tâm Đ3 trên địa bàn thị xã P và huyện C, sau đó bán cho Trương Thị L1. Trương Thị L1 biết đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì lợi nhuận nên vẫn đồng ý mua. Do đó, hành vi của các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự; Trương Thị L1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án, bị cáo Trần Minh C tham gia thực hiện 19 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản là: 441.057.150 đồng; bị cáo Nguyễn Văn C1 tham gia thực hiện 15 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản là: 289.420.381 đồng; bị cáo Võ Văn Đ1 tham gia thực hiện 07 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản là: 205.879.877 đồng; bị cáo Nguyễn Ngọc H1 tham gia thực hiện 04 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản là: 133.765.944 đồng; bị cáo Nguyễn Tuấn K tham gia thực hiện 04 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản là: 112.713.284 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn P tham gia thực hiện 02 vụ trộm cắp với tổng giá trị tài sản là: 25.047.374 đồng.

Khi mua các bình ắc quy do C cùng đồng phạm bán, Trương Thị L1 biết đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì lợi nhuận nên vẫn đồng ý mua. Cả 06 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đều khai đã bán 16 lần cho L1 tổng cộng là 98 bình ắc quy với trị giá là 385.380.226 đồng. Mặc dù tại phiên tòa, bị cáo L1 chỉ thừa nhận mình đã tiêu thụ các tài sản do phạm tội mà có của các bị cáo trên trong khoảng thời gian mà các bị cáo này thực hiện hành vi phạm tội, không thừa nhận mình đã mua tổng số 98 bình ắc quy, nhưng bị cáo khai là đã bán cho những người mua phẩy liệu ở TP . đi bằng xe tải xuống mua, do mua bán nhiều lần và đổi nhiều người nên bị cáo không nhớ là đã bán cho những ai. Căn cứ vào lời khai

thống nhất và không có mâu thuẫn của 06 bị cáo và các tài liệu chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ để xác định bị cáo L1 đã tiêu thụ 98 bình ắc quy.

Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo:

- Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Tuấn K phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Trương Thị L1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn C1 biết rõ chiếc xe mô tô Yamaha Taurus có số khung RLCS16S209Y-111677, số máy 16S2-111685 mang biển số 61R1-6228 (thực tế được đăng ký biển số 18U1 – 3872) là tài sản do phạm tội mà có, không xác định được người mua nên chưa đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với C1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự. Hiện nay, Công an thị xã P đang thụ lý vụ án “Trộm cắp tài sản” nêu trên, khi có căn cứ xem xét xử lý sau.

Đối với đối tượng tên Cu E và bạn của Cu E, Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp Bộ Q1 đang phối hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P tiếp tục điều tra, xác minh nhân thân lai lịch, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] HĐXX thấy rằng tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, các bị cáo Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K cùng với Trần Minh C đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và đem bán cho bị cáo L1, đã gây thiệt hại cho các bị hại, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội và những thiệt hại đã xảy ra. Trong vụ án, các bị cáo Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K cùng với Trần Minh C thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không phân chia nhiệm vụ, vai trò và không có tổ chức chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Các bị cáo đều là người thực hành và tiếp nhận ý chí của nhau trong mỗi vụ trộm cắp tài sản nên mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả mà mình đã gây ra. Bị cáo Trần Minh C đã tham gia thực hiện 19 vụ trộm cắp, là người thực hành và là người đứng ra bán các bình ắc quy với bị cáo L1 và chia tiền bán được cho các bị cáo khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự chính; bị cáo Nguyễn Văn C1 đã tham gia thực hiện 15 vụ trộm cắp nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo C; bị cáo Võ Văn Đ1 đã tham gia thực hiện 07 vụ trộm cắp nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo C1; bị cáo Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Tuấn K tham gia thực hiện 04 vụ trộm cắp nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo Đ1; Bị cáo

Nguyễn Văn P đã tham gia thực hiện 02 vụ trộm cắp nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau cùng.

Bị cáo Trương Thị L1 đã 16 lần thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1 không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, liên tiếp thực hiện trên 05 lần phạm tội và dùng tiền có được từ trộm cắp tài sản là nguồn thu nhập chính, vì vậy các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo thực hiện các hành vi phạm tội nhiều lần, trong đó Nguyễn Tuấn K 4 lần trộm cắp tài sản; Nguyễn Ngọc H1 4 lần trộm cắp tài sản; Nguyễn Văn P 02 lần trộm cắp tài sản, Trương Thị L1 16 lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, mỗi lần thực hiện hành vi phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Minh C có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” với hình phạt tù 01 năm tù, bị cáo Nguyễn Tuấn K có 01 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” với hình phạt 02 năm tù, các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính nhưng chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn C1 có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” với hình phạt 09 tháng tù và 01 năm 06 tháng tù, lần phạm tội thứ hai đã xác định “Tái phạm” nhưng chưa xóa án tích lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Võ Văn Đ1 có một tiền án về tội “Cướp tài sản” bị xử phạt 12 năm 06 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt chính nhưng chưa được xóa án tích lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K, Trương Thị L1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn P đã tự nguyện bồi thường thiệt hại với số tiền 1.000.000 đồng mỗi người; bị cáo Nguyễn Ngọc H1 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại với số tiền 3.000.000 đồng nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Minh C có bà nội là Lê Thị N1 là Bà mẹ Việt Nam Anh hùng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Trương Thị L1 đã tự nguyện đi tìm và giao nộp lại 12 bình ắc quy bị trộm cắp và hiện tại bị cáo đang mang thai 06 tháng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” và “Người phạm tội là phụ nữ có thai” được quy định tại điểm b, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo là lao động chính, chồng của bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, các con của bị cáo còn nhỏ nên HĐXX sẽ xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, hành vi nguy hiểm cho xã hội của các bị cáo, nên HĐXX xét thấy cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, răn đe giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm và đây là vụ án đồng phạm nên HĐXX sẽ áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K.

Đối với bị cáo Trương Thị L1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo là lao động chính, chồng của bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, các con của bị cáo còn nhỏ, nên HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Xem xét động cơ, mục đích phạm tội và hoàn cảnh của các bị cáo, HĐXX xét thấy không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo Trần Minh C, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Trương Thị L1 đang chấp hành Bản án số 15/2023/HS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án quân sự khu vực Quân khu G nên HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

HĐXX xét thấy lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của Bộ luật Hình sự; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K phải liên đới bồi thường cho các bị hại Tổng công ty cổ phần C5, Trung tâm M3, Trung tâm Đ3 (V4) theo kết luận định giá. Cụ thể như sau:

* Vụ thứ 01: Các bị cáo C, Đ1, H1 phải liên đới bồi thường cho Trung tâm M3 số tiền là 59.705.553 đồng. Trong đó C phải bồi thường số tiền là 24.584.639 đồng; Đ1 và H1 mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 17.560.457 đồng.

* Vụ thứ 02: Các bị cáo C và Cu E phải liên đới bồi thường cho Trung tâm M3 số tiền là 40.585.200 đồng. Tuy nhiên, do Cu E đã bỏ trốn nên bị cáo C phải liên đới bồi thường toàn bộ số tiền 40.585.200 đồng.

* Vụ thứ 03: Các bị cáo C, C1, H1 phải liên đới bồi thường cho Trung tâm Đ3 số tiền là 20.712.379 đồng. Bị cáo C phải bồi thường số tiền là 6.904.127 đồng, các bị cáo C1, H1 phải bồi thường số tiền là 6.904.126 đồng.

* Vụ thứ 04: Các bị cáo C, C1, Đ1 và Cu E phải liên đới bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 số tiền là 12.516.840 đồng. Tuy nhiên, do Cu E đã bỏ trốn nên bị cáo C phải liên đới bồi thường toàn bộ số tiền trên. Do đó, các bị cáo C, C1 mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 4.353.683 đồng, bị cáo Đ1 phải bồi thường số tiền là 3.809.473 đồng.

* Vụ thứ 05: Các bị cáo C, Đ1, H1 phải liên đới bồi thường cho Trung tâm M3 số tiền là 40.659.696 đồng. Trong đó bị cáo C phải bồi thường 16.263.878 đồng; các bị cáo Đ1, H1 mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 12.197.909 đồng.

* Vụ thứ 06: Các bị cáo C, C1, Cu E và bạn Cu E phải liên đới bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 số tiền là 12.230.440 đồng. Tuy nhiên, do Cu E và bạn Cu E đã bỏ trốn nên các bị cáo C, C1 phải liên đới bồi thường toàn bộ số tiền trên. Do đó, các bị cáo C, C1 mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 6.115.220 đồng.

* Vụ thứ 07: Các bị cáo C, C1, Đ1, H1 phải liên đới bồi thường cho Trung tâm Đ3 số tiền là 12.688.316 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 3.172.079 đồng.

* Vụ thứ 08: Các bị cáo C, C1 phải liên đới bồi thường cho Trung tâm Đ3 số tiền là 14.076.100 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 7.038.050 đồng.

* Vụ thứ 09: Các bị cáo C, C1 phải liên đới bồi thường cho Trung tâm M3 số tiền là 48.727.800 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 24.363.900 đồng.

* Vụ thứ 11: Các bị cáo C, C1 phải liên đới bồi thường cho Trung tâm M3 số tiền là 8.073.400 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 4.036.700 đồng.

* Vụ thứ 12: Các bị cáo C, C1, H1 phải liên đới bồi thường cho Trung tâm Đ3 số tiền là 11.102.276 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 5.551.138 đồng.

* Vụ thứ 13 lần 1: Các bị cáo C, C1, Đ1, K phải liên đới bồi thường cho Trung tâm M3 số tiền là 17.717.590 đồng. Trong đó, bị cáo C phải bồi thường số tiền là 5.315.277 đồng; các bị cáo C1, Đ1, K mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 4.134.104 đồng.

* Vụ thứ 13 lần 2: Các bị cáo C, K phải liên đới bồi thường cho Trung tâm M3 số tiền là 17.717.590 đồng. Trong đó, bị cáo C phải bồi thường số tiền là 11.811.727 đồng, bị cáo K phải bồi thường số tiền là 5.905.863 đồng.

* Vụ thứ 14: Các bị cáo C, C1, Đ1, K phải liên đới bồi thường cho Trung tâm M3 số tiền là 17.717.590 đồng. Trong đó, bị cáo C phải bồi thường số tiền là 7.677.622 đồng, bị cáo C1 phải bồi thường số tiền là 4.134.104 đồng, các bị cáo Đ1, K mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 2.952.932 đồng.

* Vụ thứ 15: Các bị cáo C, C1, Đ1, K phải liên đới bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 số tiền là 12.605.248 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 3.151.312 đồng.

* Vụ thứ 17: Các bị cáo C, Phó phải liên đới bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 số tiền là 10.686.320 đồng. Trong đó, bị cáo C phải bồi thường số tiền là 6.233.687 đồng, bị cáo P phải bồi thường số tiền là 4.452.633 đồng.

Tổng số tiền mà các bị cáo phải bồi thường là:

- Trần Minh C phải bồi thường cho các bị hại là: 177.158.358 đồng. Trong đó, bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 là 19.853.902 đồng, M3 là 134.638.944 đồng, Trung tâm Đ3 là 22.665.393 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 176.587.358 đồng.

- Nguyễn Văn C1 phải bồi thường cho các bị hại là: 72.954.417 đồng. Trong đó, bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 là 13.620.215 đồng, M3 là 36.668.809 đồng, Trung tâm Đ3 là 22.665.393 đồng.

- Võ Văn Đ1 phải bồi thường cho các bị hại là: 46.978.266 đồng. Trong đó, bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 là 6.960.785 đồng, M3 là 36.485.402 đồng, Trung tâm Đ3 là 3.172.079 đồng.

- Nguyễn Ngọc H1 phải bồi thường cho các bị hại là: 39.834.571 đồng. Trong đó, bồi thường cho M3 là 29.758.366 đồng, Trung tâm Đ3 là 10.076.205 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 3.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 36.089.517 đồng.

- Nguyễn Văn P phải bồi thường cho bị hại Tổng công ty cổ phần C5 là: 4.452.633 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 3.452.633 đồng.

- Nguyễn Tuấn K phải bồi thường cho các bị hại là: 16.144.211 đồng. Trong đó, bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 là 3.151.312 đồng, M3 là 12.992.899 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Chiếc xe máy hiệu Yamaha Taurus thu giữ của C1 thực tế mang BKS: 18U1 – 3872 là tài sản của anh Ninh Xuân P3, sinh năm 1991 bị mất trộm vào tháng 8/2022 tại khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh BR- VT. Vì vậy, Cơ quan CSĐT đã tách chiếc xe ra khỏi vụ án, chuyển vật chứng trên theo vụ “Trộm cắp tài sản” để tiếp tục xử lý theo quy định. Việc xử lý trên là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận.

Chiếc xe mô tô màu đỏ, BKS: 71K7 – 4102 thu giữ của Phó là tài sản hợp pháp của chị Huỳnh Thị Kiều S1, sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Chiếc xe máy hiệu Honda Vario màu xám mang BKS: 60G1 – 455.27 thu giữ của K là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị H7, sinh năm 1975, nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Việc P, K mượn 02 chiếc xe ô tô

trên rồi sử dụng để đi trộm cắp tài sản chị S1, chị H7 không biết nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại 02 chiếc xe mô tô trên cho chị S1, chị H7. Việc xử lý trên là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận.

Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trao trả 02 bình ắc quy chì Gel 12 V/200Ah cho chủ sở hữu là ông Trần Hồng P1. Việc xử lý trên là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận.

Đối với 04 (bốn) bình ắc quy hiệu Lithium Coslight 48V – 50Ah có logo VIETTEL màu đen là số bình ắc quy bị mất trộm tại nhà trạm VTU131, địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh BR-VT vào ngày 28/11/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã bàn giao Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh BR- VT để xử lý theo quy định của pháp luật. Việc xử lý trên là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận.

Đối với 02 ắc quy hiệu Lithium 48V – 100Ah có logo VINA FONE, seri mã LD20210621000202094 và LD20210621000202598 hiện chưa xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu. Cơ quan CSĐT đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu, tách ra khỏi vụ án và tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định. Việc xử lý trên là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại 08 bình ắc quy, 01 mắt camera hiệu EZVIZ cho anh Trần Hồng P1, sinh năm 1987, nơi cư trú: Khu phố C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – Đại diện bị hại MOBIFONE; trả 09 bình ắc quy cho anh Lê Minh H4, sinh năm 1985, nơi cư trú: 1207 C/C 21 tầng D22, TT C, phường A, thành phố V, tỉnh BR-VT - Đại diện bị hại VIETTEL; Trả 13 bình ắc quy cho anh Nguyễn Đình H6, sinh năm 1985, nơi cư trú: 42 C, phường D, thành phố V, tỉnh BR-VT- Đại diện VNPT. Việc xử lý trên là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận.

Đối với 01 cái dây buộc chở màu hàng màu xanh có móc bằng kim loại hai đầu dài 2m²; 01 cái túi chéo màu đen; 01 sợi dây điện màu đen hai đầu có khớp nối màu xanh, đồ loại nồi bình ắc quy; 02 cái tua vít; 02 cái kìm bấm; 01 cái kìm nhỏ định tay cầm màu đỏ đen; 02 cái kéo cắt; 01 cái khóa chữ T loại 13 mm; 01 cái mỏ lết; 01 cái cờ lê hai đầu khóa 10, 12; 01 cái đèn pin màu đen; 04 cái ống tuyết khóa; 01 bộ đoạn bẻ khóa; 01 cái kéo bằng kim loại có vỏ tay cầm bọc nhựa màu đen, kích thước cây kéo là 0.1mx0.2m; 01 cái xà beng bằng kim loại có kích thước 0.45m x 0.09m. Đây là dụng cụ dùng vào việc phạm tội nên HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe máy biển kiểm soát: 53V4-1266, lốc máy có chữ SOME và chữ KOREA, số máy: VTT08JL1P52FMH- 036066, số khung: LXDXCHL02Y6004706 cùng bộ phận lõi phía sau. Đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 23/11/2024 tại Phòng Thi hành án Quân khu 7)

Trong vụ án, phát hiện 10 bình ắc quy không rõ nguồn gốc tại nhà Trương Thị L1 thuộc các trạm TTH008M của Viễn thông Đ3 và các Trạm thu phát sóng

VTU0671, VTU0784, VTU0162 của Tổng Công ty Cổ phần C5 bị trộm cắp tài sản, hiện nay đã hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được bị can. 02 bình ắc quy có logo của V3 nhưng chưa xác định được bị hại và vị trí mất trộm nên chưa có căn cứ xử lý, hiện đã tách vụ án xử lý sau. Việc xử lý trên là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K, Trương Thị L1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là:

- Trần Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $5\% \times 176.158.239$ đồng = 8.807.912 đồng.

- Nguyễn Văn C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $5\% \times 72.954.417$ đồng = 3.647.721 đồng.

- Võ Văn Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $5\% \times 46.978.266$ đồng = 2.348.913 đồng.

- Nguyễn Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $5\% \times 36.834.571$ đồng = 1.841.729 đồng.

- Nguyễn Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $5\% \times 16.144.211$ đồng = 807.211 đồng.

- Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đạo Nguyễn Ngọc H8 (tên gọi khác: S, Q), Nguyễn Tuấn K, Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Trương Thị L1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh C 12 (mười hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù của Bản án số 15/2023/HSST ngày 28/9/2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu G. Buộc bị cáo Trần Minh C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 (mười ba) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 12/12/2022;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 12/12/2022;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn Đ1 08 (tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù của Bản án số 15/2023/HSST ngày 28/9/2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu G. Buộc bị cáo Võ Văn Đ1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 12/12/2022;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H8 5 (năm) năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù của Bản án số 15/2023/HSST ngày 28/9/2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu G. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H8 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 12/12/2022;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 12/12/2022;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 12/12/2022;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; Điều 38; điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị L1 từ 03 (ba) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 15/2023/HSST ngày 28/9/2023 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu G. Buộc bị cáo Trương Thị L1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H8, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K phải liên đới bồi thường cho các bị hại Tổng công ty cổ phần C5, Trung tâm M3, Trung tâm Đ3 theo kết luận định giá như sau:

- Trần Minh C phải bồi thường cho các bị hại là: 177.158.358 (một trăm bảy mươi bảy triệu một trăm năm mươi tám nghìn ba trăm năm mươi tám) đồng. Trong đó, bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 là 19.853.902 (mười chín

triệu tám trăm năm mươi ba nghìn chín trăm lẻ hai) đồng, M3 là 134.638.944 (một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng, Trung tâm Đ3 là 22.665.393 (hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba) đồng. Bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 176.587.358 đồng.

- Nguyễn Văn C1 phải bồi thường cho các bị hại là: 72.954.417 (bảy mươi hai triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm mười bảy) đồng. Trong đó, bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 là 13.620.215 (mười ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn hai trăm mười lăm) đồng, M3 là 36.668.809 (ba mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm lẻ chín) đồng, Trung tâm Đ3 là 22.665.393 (hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba) đồng.

- Võ Văn Đ1 phải bồi thường cho các bị hại là: 46.978.266 (bốn mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi sáu) đồng. Trong đó, bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 là 6.960.785 (sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng, M3 là 36.485.402 (ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ hai) đồng, Trung tâm Đ3 là 3.172.079 (ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bảy mươi chín) đồng.

- Nguyễn Ngọc H8 phải bồi thường cho các bị hại là: 39.834.571 (ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi mốt) đồng. Trong đó, bồi thường cho M3 là 29.758.366 (hai mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi sáu) đồng, Trung tâm Đ3 là 10.076.205 (mười triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm lẻ năm) đồng. Bị cáo đã bồi thường được 3.000.000 (ba triệu) đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 36.089.517 (ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm mười bảy) đồng.

- Nguyễn Tuấn K phải bồi thường cho các bị hại là: 16.144.211 (mười sáu triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm mười một) đồng. Trong đó, bồi thường cho Tổng công ty cổ phần C5 là 3.151.312 (ba triệu một trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm mười hai) đồng, M3 là 12.992.899 (mười hai triệu chín trăm chín mươi hai nghìn tám trăm chín mươi chín) đồng.

- Nguyễn Văn P phải bồi thường cho bị hại Tổng công ty cổ phần C5 là: 4.452.633 (bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi ba) đồng. Bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 (một triệu) đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 3.452.633 (ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi ba) đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy: 01 cái dây buộc chở màu hàng màu xanh có móc bằng kim loại hai đầu dài 2m²; 01 cái túi chéo màu đen; 01 sợi dây điện màu đen hai đầu có khớp nối màu xanh, đồ loại nối bình ắc quy; 02 cái tua vít; 02 cái kìm bấm; 01 cái kìm nhỏ định tay cầm màu đỏ đen; 02 cái kéo cắt; 01 cái khóa chữ T loại 13 mm; 01 cái mỏ lết; 01 cái cờ lê hai đầu khóa 10, 12; 01 cái đèn pin màu đen; 04 cái ống tuýt khóa; 01 bộ đoạn bẻ khóa; 01 cái kéo bằng kim

loại có vỏ tay cầm bọc nhựa màu đen, kích thước cây kéo là 0.1mx0.2m; 01 cái xà beng bằng kim loại có kích thước 0.45m x 0.09m.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe máy biển kiểm soát: 53V4-1266, lôc máy có chữ SOME và chữ KOREA, số máy: VTT08JL1P52FMH- 036066, số khung: LDXCHL02Y6004706 cùng bộ phận lõi phía sau.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 23/11/2024 tại Phòng Thi hành án Quân khu 7)

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc các bị cáo Trần Minh C, Nguyễn Văn C1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Ngọc H8, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn K, Trương Thị L1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là:

- Trần Minh C là: 8.807.912 (tám triệu tám trăm lẻ bảy nghìn chín trăm mười hai) đồng.

- Nguyễn Văn C1 là: 3.647.721 (ba triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi một) đồng.

- Võ Văn Đ1 là: 2.348.913 (hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm mười ba) đồng.

- Nguyễn Ngọc H8 là: 1.841.729 (một triệu tám trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm hai mươi chín) đồng.

- Nguyễn Tuấn K là: 807.211 (tám trăm lẻ bảy nghìn hai trăm mười một) đồng.

- Nguyễn Văn P là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 7 năm 2024) các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án quân sự Quân khu G; đối với các bị hại, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAQS.TW;
- VKSQS QK7;
- PTHA.QK7;
- CQTHA.QK7;
- VKSQS.KV71;
- ĐTHS.KV2 CTCSN BQP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQĐVA;
- Lưu HSTHA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**